

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo dục quốc phòng - An ninh cho học sinh, sinh viên là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Qua đó tạo điều kiện cho thế hệ trẻ có điều kiện tu dưỡng phẩm chất đạo đức và rèn luyện năng lực thực tế để sẵn sàng thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược : xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Môn học Giáo dục quốc phòng - An ninh đã được xác định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước và gần đây nhất Bộ Chính trị đã có Chỉ thị số 12- CT/TW ngày 03-5-2007 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, Chính phủ cũng có Nghị định số 116/2007/NĐ-CP ngày 10-7-2007 về Giáo dục quốc phòng - an ninh.

Quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục quốc phòng, an ninh nhằm đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của mục tiêu giáo dục và thực tiễn, Trường cao đẳng nghề Yên Bái cho biên soạn Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh dùng cho sinh viên hệ cao đẳng nghề và trung cấp nghề với 2 học phần. Bộ sách này đã được Hội đồng thẩm định trường cao đẳng nghề Yên Bái nghiệm thu. Nội dung sách đã cập nhật được những vấn đề mới, phù hợp với chương trình mới ban hành, Quyết định số 27/2007/QĐ-BLĐT BXH ngày 24-12-2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội.

Trường cao đẳng nghề Yên Bái tổ chức xuất bản và giới thiệu bộ sách Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh với học sinh , sinh viên. Hy vọng bộ sách này sẽ giúp ích được nhiều cho giảng viên, sinh viên và nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng, an ninh toàn dân.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song khó tránh khỏi những sơ suất nhất định. Chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các đồng chí giảng viên, cán bộ chỉ đạo để bộ sách ngày càng hoàn thiện.

*Xin chân thành cảm ơn
Trường cao đẳng nghề Yên Bái*

HỌC PHẦN 1

Bài 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mục đích yêu cầu:

Mục đích:

Yêu cầu người học nhận thức được tầm quan trọng của Giáo dục quốc phòng - An ninh, nội dung cơ bản của môn học GDQP - AN trong đào tạo nghề dài hạn.

Yêu cầu:

Học tập giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN.

1.GDQP - AN là một nội dung quan trọng trong mục tiêu giáo dục toàn diện của các nhà trường

1.1.GDQP - AN gắn kết quá trình giáo dục - đào tạo

Dựng nước phải đi đôi với giữ nước ,đó là quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam trong mấy ngàn năm lịch sử .Khi có giặc ngoại xâm cũng như khi đất nước hòa bình, thịnh trị. Ông cha ta luôn chăm lo kế sách dài lâu, “sâu rễ bền gốc” luyện binh lúc thư nhàn : "Thái bình lên găng sức, non nước mấy ngàn thu ". Hay quân ở trong dân "ngụ binh ư nông " sẵn sàng làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ,truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc ta được phát huy cao độ trong chiến lược phát triển đất nước :xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa (XHCN) là nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ đất nước.

Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN .Giáo dục quốc phòng an ninh toàn dân ,trong đó GDQP - AN cho học sinh, sinh viên là một nội dung quan trọng của nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là một bộ phận của nền giáo dục quốc dân.

Tình hình quốc tế và khu vực trong thời gian qua cho thấy rằng trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI, đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp vẫn diễn ra một cách gay gắt. Những năm tới, khả năng diễn ra các cuộc chiến tranh quy mô lớn và chiến tranh thế giới, nhưng các cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, sắc tộc và tôn giáo, biên giới vẫn xảy ra liên tục ở nhiều khu vực. Các thế lực núp dưới chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền ", để phát động các cuộc chiến tranh nhằm áp đảo ý đồ của chúng lên các dân tộc khác, thôn tính, lật đổ chế độ, ép các nước phải đi theo quỹ đạo của chúng.

Mặt khác thế giới đang đứng trước những vấn đề có tính toàn cầu, bản thân mỗi nước không thể tự giải quyết được mà phải có sự phối hợp đa phương như: bảo

vệ hòa bình; ngăn chặn các bệnh hiểm nghèo; bảo vệ môi trường; chống tội phạm quốc tế... đã đặt ra những vấn đề mới về bảo vệ Tổ quốc.

Xu hướng toàn cầu hóa về kinh tế là một xu thế khách quan. Toàn cầu hóa về kinh tế, dù nhiều, dù ít. Các nước đều có sự phụ thuộc lẫn nhau :quan hệ đối tượng ,đối tác trở nên không rõ ràng, vừa hợp tác, vừa đấu tranh. Các nước phát triển đang lợi dụng về vốn ,trình độ khoa học - kĩ thuật và công nghệ hiện đại để ép các nước kém phát triển. Mặt khác do sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - kĩ thuật và công nghệ tiên tiến làm cho vũ khí trang bị quân sự liên tục đổi mới và phát triển với những vũ khí, trang bị hiện đại độ chính xác cao, tinh khôn, tàng hình, uy lực sát thương lớn; nguyên lý sát thương phá hoại khác với vũ khí thông thường ...điều đó không những làm thay đổi biên chế , tổ chức quân đội các nước mà còn làm thay đổi phương thức tiến hành chiến tranh ,phương thức bảo vệ Tổ quốc và nghệ thuật quân sự. Tình hình đó làm cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ngày nay đã có nhiều thay đổi cả về nội dung, phương thức và đối tượng. Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng Sản Việt Nam lần thứ IX về quốc phòng - An ninh đã chỉ rõ những yêu cầu mới về bảo vệ Tổ quốc: "Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền , thống nhất , toàn vẹn lãnh thổ ;bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN ;bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia,dân tộc ". Yêu cầu mới về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi phải nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác quốc phòng, an ninh. Bảo đảm cho đất nước nói chung và từng khu vực tỉnh, thành phố nói riêng phải luôn chủ động ,sẵn sàng không để bị bất ngờ trước mọi tình huống xảy ra; giữ vững ổn định, ngăn ngừa, đẩy lùi mọi nguy cơ chiến tranh để tập trung xây dựng đất nước. Điều đó đặt ra yêu cầu quan trọng là phải tăng cường GDQP - AN toàn dân. Phải gắn kết chặt chẽ quá trình giáo dục và đào tạo với việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng - an ninh, nhằm tăng cường tính hiệu quả trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược. Thực hiện tốt các mặt công tác quốc phòng, an ninh trong đó có nhiệm vụ GDQP - AN cho sinh viên là thiết thực góp phần ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sự nghiệp sự nghiệp giáo dục và đào tạo, GDQP - AN góp phần nâng cao dân trí ,tăng cường tiềm lực về tri thức phòng thủ đất nước. Con đường hiệu quả nhất để đưa đường lối chủ trương của Đảng về quốc phòng - an ninh vào cuộc sống phải bằng con đường giáo dục đào tạo. Chỉ có giáo dục đào tạo mới làm cho mọi người nhận thức đầy đủ , đúng đắn về nhiệm vụ bảo vệ đất nước . GDQP - AN làm cho thế hệ trẻ sinh viên nhận thức được giá trị độc lập, tự do. Sự hy sinh lớn lao của các thế hệ ông cha để bảo vệ đất nước. Trong mỗi giai đoạn cách mạng và đổi mới giáo dục - đào tạo, chương trình môn học GDQP - AN từ tên gọi đến nội dung đều được đổi mới kịp thời, đáp ứng những vấn đề cơ bản về đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân của Đảng.

Từ năm 1961, thực hiện Nghị quyết 219/CP của Hội đồng Chính phủ, việc huấn luyện quân sự phổ thông đã được chính thức đưa vào các nhà trường.

Năm 1966, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp thực hiện chương trình huấn luyện quân sự, thống nhất trong các trường đại học, cao đẳng, và trung học chuyên nghiệp. Năm 1983 Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 749/QP về việc ban hành chương trình huấn luyện quân sự phổ thông bậc 1 và bậc 2 cho các trường học. Cùng với GDQP từ những năm 70, công tác đào tạo sĩ quan dự bị từ sinh viên tốt nghiệp đã được triển khai ở nhiều trường đại học trong cả nước. Đã có hàng vạn sĩ quan dự bị được đào tạo từ sinh viên tốt nghiệp đại học. Đây là nguồn cán bộ khoa học kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ và quản lý kinh tế đáng kể cho thực hiện nhiệm vụ dự bị động viên, sẵn sàng làm nhiệm vụ vào vệ Tổ quốc. Hàng ngàn sỹ qua dự bị đã tình nguyện vào phục vụ lâu dài trong quân đội, nhiều người đang đảm nhiệm những vị trí quan trọng và đã có nhiều đóng góp cho nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Trước tình hình đổi mới của đất nước và đổi mới về giáo dục và đào tạo, cuối năm 1991 chương trình huấn luyện quân sự phổ thông được đổi thành chương trình môn học GDQP với mục tiêu rõ ràng hơn, rộng lớn hơn, phù hợp với yêu cầu phát triển của giáo dục - đào tạo và nhiệm vụ bảo vệ đất nước trong thời bình. GDQP không chỉ trang bị các kỹ năng quân sự cần thiết mà quan trọng hơn là trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và quân sự của Đảng, ý thức và kiến thức quốc phòng để người cán bộ khoa học kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ và quản lý kinh tế biết kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, quốc phòng với an ninh và đối ngoại ngay trên từng cương vị công tác.

Môn học GDQP - AN tạo điều kiện cho sinh viên có thể học tập theo năng lực của mình, tích lũy kiến thức theo học phần. Sinh viên khi đã tích lũy đủ học phần được dự thi lấy chứng chỉ môn học GDQP - AN theo Nghị định của Chính phủ, quy chế của Bộ giáo dục - đào tạo. Kế tục và phát huy những kết quả thực hiện chương trình môn học GDQP những năm qua, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới và phù hợp với quy chế quản lý môn học giáo dục quốc phòng - an ninh trong các trường dạy nghề, năm 2000 Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội đã ban hành chương trình môn học GDQP cho các trường dạy nghề; năm 2007 Bộ tiếp tục ban hành chương trình GDQP - AN thay thế cho chương trình môn giáo dục quốc phòng ban hành năm 2000.

Như vậy, trong từng giai đoạn cách mạng, chương trình môn học GDQP - AN đều có những đổi mới phục vụ cho sự nghiệp phát triển đất nước và công tác quốc phòng, an ninh trong từng thời kỳ, gắn kết chặt chẽ các mục tiêu của giáo dục và đào tạo với quốc phòng an ninh. GDQP - AN cho sinh viên không riêng Việt Nam mà nhiều nước trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị, quy mô quốc gia, trình độ kinh tế, khoa học - kỹ thuật và công nghệ đều được quan tâm và đưa vào chương trình chính khóa trong các nhà trường, Xin-ga-po có chương trình

Phòng thủ tổng lực. Cục trưởng cục Giáo dục quốc gia nằm trong Bộ quốc phòng .Ôxtrây-li-a thực hiện chính sách phổ cập huấn luyện quân sĩ cho thanh niên khi còn học ở các trường trung học, dạy nghề và đại học toàn liên bang Trung Quốc, các cán bộ khoa học kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo theo mô hình "nhân tài lưỡng dụng " để phục vụ cho xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng . CHLB Đức, Nhà nước giao cho hệ thống giáo dục đại học và dạy nghề chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ kế hoạch động viên cho nhu cầu quốc phòng. Cộng hòa Liên bang Nga sau gần một thập kỷ khủng hoảng về kinh tế - chính trị, từ cuối năm 2000 nhà nước đã phải chi một khoản ngân sách lớn cho công tác GDQP - AN cho học sinh, sinh viên ...

1.2.GDQP - AN góp phần giáo dục toàn diện con người mới XHCN

GDQP - AN là môn học bao gồm kiến thức khoa học xã hội, nhân văn, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật quân sự. Là môn học được thể hiện trong đường lối giáo dục của Đảng và thể chế hóa các văn bản pháp quy của Nhà nước, nhằm góp phần đào tạo ra những con người có đủ phẩm chất và năng lực làm tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Luật giáo dục năm 1998 đã xác định: " Mục tiêu đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH, hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ".

Thế hệ trẻ học sinh, sinh viên là chủ nhân tương lai của đất nước và đặc biệt trong thế kỷ XX, thế kỷ của nền kinh tế tri thức phải có những phẩm chất toàn diện về tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH, GDQP - AN, giáo dục công dân, giáo dục thể chất, thẩm mỹ cùng nhiều môn học khác góp phần hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực công dân, đáp ứng các mục tiêu đào tạo nhân trí, nhân lực, nhân tài phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Trong những năm đất nước có chiến tranh, nhờ có chương trình huấn luyện quân sự trong các nhà trường.Thanh niên trước khi nhập ngũ đã có kiến thức quân sự phổ thông, rút ngắn được thời gian huấn luyện chiến sĩ mới tham gia tích cực trong các cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và chiến tranh bảo vệ biên giới Tổ quốc . Nhiều tấm gương cao đẹp là học sinh, sinh viên đã xuất hiện khi còn ngồi trên ghế nhà trường đã trở thành anh hùng, dũng sĩ trong chiến đấu và lao động xây dựng đất nước. Lớp sinh viên tình nguyện đến những nơi khó khăn, gian khổ cùng sát vai với bộ đội và nhân dân thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội của đất nước. Ngoài việc nâng cao dân trí về quốc phòng, GDQP - N góp phần giáo dục ý thức trách nhiệm của mỗi công dân đối với Tổ quốc, giáo dục lòng tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc. Xây dựng ý thức tổ chức kỷ luật, coi trọng nếp sống tập

thể, mình vì mọi người. Chống thói ích kỷ, cùng với các hoạt động khác đẩy lùi tiêu cực và tệ nạn xã hội.

1.3. GDQP - AN là môn học được luật pháp quy định.

GDQP - AN là môn học có chỉ thị của Bộ chính trị chỉ đạo, môn học duy nhất được luật pháp quy định. Điều 17 chương III Luật nghĩa vụ quân sự 1991 quy định: Việc huấn luyện quân sự phổ thông (nay là GDQP - AN) cho học sinh ở trường trung học phổ thông, trường dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp, trường cao đẳng và đại học thuộc chương trình chính khóa .

Từ năm 1961, khi cả nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất đất nước .Chương trình huấn luyện quân sự phổ thông đã được chính phủ quy định tại Nghị định 219/CP là môn học chính trong nhà trường. Đến năm 1991 sau khi công bố Luật Nghĩa vụ quân sự, môn học huấn luyện quân sự phổ thông được đổi thành GDQP và đưa vào đào tạo chính khóa theo Chỉ thị 420/CT ngày 30/12/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là chính phủ).

Năm 2001 Bộ Chính trị Ban chấp hành TW (khóa VIII) ra chỉ thị số 62 - CT/TW ngày 12 tháng 2 năm 2001 về "Tăng cường công tác Giáo dục quốc phòng toàn dân trước tình hình mới ". Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/NĐ -CP ngày 01/5/2011 về Giáo dục quốc phòng.

Năm 2007 Bộ chính trị ra chỉ thị số 12/CT -TW ngày 03 tháng 5 năm 2007 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác GDQP -AN ; thay cho chỉ thị số 62 -CT/TW ngày 12 tháng 2 năm 2001 về " Tăng cường công tác Giáo dục quốc phòng toàn dân trước tình hình mới ".

Chính phủ ra Nghị định số 116/2007/NĐ - CP ngày 10 tháng 7 năm 2007 về công tác giáo dục quốc phòng - an ninh, thay cho Nghị định số 15/NĐ - CP ngày 01/5/2001 về Giáo dục quốc phòng .

Những văn bản quy phạm pháp luật trên tiếp tục khẳng định: GDQP - AN thuộc nội dung của nền giáo dục quốc gia, là nội dung cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, có ý nghĩa quan trọng trong việc đào tạo con người mới XHCN. GDQP - AN là môn học chính khóa trong các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề, cao đẳng và đại học; các trường chính trị, hành chính và đoàn thể.

Hệ thống văn bản chỉ đạo của Đảng, các văn bản pháp quy của nhà nước về môn học giáo dục quốc phòng, an ninh trong hệ thống giáo dục quốc dân và các trường chính trị, hành chính và đoàn thể ngày càng hoàn thiện, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với việc giáo dục thế hệ trẻ học sinh, sinh viên, những chủ nhân tương lai của đất nước. Có vị trí cực kỳ quan trọng trong chiến lược giáo dục và đào tạo của Đảng ta. Vì vậy, học tập tốt môn học GDQP - AN vừa là quyền lợi được học tập đồng thời là trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi học sinh sinh viên.

2. Giới thiệu môn học

2.1 Đặc điểm

GDQP - AN nằm trong nhóm các môn học có tỷ lệ lý thuyết chiếm hơn 60 % chương trình môn học, nhằm tăng cường lý luận cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và những hiểu biết về nội dung công tác quốc phòng, an ninh hiện nay cho sinh viên; giúp sinh viên sau khi ra trường nhanh chóng làm quen với các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh nơi mình công tác.

Môn học GDQP - AN có quan hệ chặt chẽ với các môn học khác như: toán, lý, hóa, giáo dục chính trị... đặc biệt các học phần: Đường lối quân sự của Đảng, công tác quốc phòng, an ninh và quân sự chung có mối liên quan đến hầu hết các chuyên ngành đào tạo trong nhà trường.

Trang thiết bị dạy học môn giáo dục quốc phòng - an ninh phải có chế độ sử dụng, bảo quản đặc biệt theo một quy chế riêng, không để mất an toàn, không để thất lạc. Các trường phải có sân bãi tập, đảm bảo đủ mô hình học cụ và trang thiết bị dạy học do các nhà máy, xí nghiệp quốc phòng sản xuất. Các trường lớn và các trung tâm GDQP - AN cần xây dựng thao trường, bãi tập, phòng học chuyên dụng để đáp ứng yêu cầu của môn học.

Vũ khí sử dụng luyện tập do cơ quan quân sự địa phương cung cấp đảm bảo theo thông tin liên bộ và chỉ thị của Bộ trưởng Bộ quốc phòng, đội ngũ giảng viên gồm nhiều nguồn: giảng viên là sĩ quan biệt phái của Bộ Quốc phòng, giảng viên chuyên trách hoặc kiêm nhiệm trong biên chế hữu cơ của trường, giảng viên hợp đồng, thỉnh giảng...

2.2 Chương trình môn học

Chương trình môn học giáo dục quốc phòng, an ninh cho học sinh sinh viên được ban hành theo quyết định số 27/ 2007/ QĐ - BLĐT BXH ngày 24 / 12/ 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; về Ban hành chương trình GDQP – AN cho học sinh sinh viên các trường trung cấp và cao đẳng nghề. Chương trình môn học GDQP - AN gồm các học phần bắt buộc. Thực hiện theo quyết định số 24 / 12/ 2007 của Bộ lao động Thương binh và Xã hội môn học GDQP - AN gồm hai học phần cơ bản với tổng số tiết là 75 đối với hệ cao đẳng và một học phần với tổng số tiết là 45 đối với hệ trung cấp.

3. Phương pháp nghiên cứu và tổ chức thực hiện.

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Với tư cách là bộ môn khoa học nằm trong hệ thống khoa học quân sự, phạm vi nghiên cứu của GDQP - AN rất rộng, nội dung nghiên cứu đa dạng, được cấu trúc theo hệ thống từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp luôn có sự kế thừa và

phát triển. Vì vậy GDQP - AN được tiếp cận nghiên cứu với nhiều cách thức, phù hợp với tính chất của từng nội dung và vấn đề nghiên cứu cụ thể. Trong nghiên cứu xây dựng, phát triển nội dung GDQP - AN với tư cách là một bộ môn khoa học cần chú ý sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học.

Trước hết cần chú ý sử dụng các phương pháp nghiên cứu lí thuyết như phân tích, tổng hợp, phân loại, hệ thống hóa, mô hình hóa, giả thuyết... nhằm thu thập thông tin khoa học trên cơ sở nghiên cứu các văn bản, tài liệu về quốc phòng, an ninh để rút ra các kết luận khoa học cần thiết, không ngừng bổ sung, phát triển làm phong phú nội dung GDQP - AN.

Cùng với các phương pháp nghiên cứu lí thuyết, cần nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu thực tiễn như quan sát, điều tra, khảo sát thực tế, nghiên cứu các sản phẩm quốc phòng, an ninh, tổng kết kinh nghiệm, thí nghiệm, thực nghiệm... nhằm tác động trực tiếp vào đối tượng trong thực tiễn, từ đó khái quát bản chất, quy luật của các hoạt động quốc phòng, an ninh ; bổ sung làm phong phú nội dung cũng như kiểm định tính xác thực, tính đúng đắn của các kiến thức GDQP - AN.

Trong nghiên cứu lĩnh hội các kiến thức, kĩ năng quốc phòng, an ninh cần sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học lí thuyết và thực hành nhằm bảo đảm cho người học vừa có nhận thức sâu sắc về đường lối, nghệ thuật quân sự, nắm chắc lí thuyết kĩ thuật và chiến thuật, vừa rèn luyện phát triển được các kĩ năng công tác quốc phòng, thuần thục các thao tác, hành động quân sự.

Đổi mới phương pháp dạy học GDQP - AN theo hướng tăng cường vận dụng các phương pháp dạy học tiên tiến kết hợp với sử dụng các phương tiện kĩ thuật dạy học hiện đại. Trong quá trình học tập, nghiên cứu các vấn đề, các nội dung GDQP - AN cần chú ý sử dụng các phương pháp tạo tình huống, nêu vấn đề, đối thoại, tranh luận sáng tạo; tăng cường thực hành, thực tập sát với thực tế chiến đấu, công tác quốc phòng; tăng cường tham quan thực tế, viết thu hoạch, tiểu luận; tăng cường sử dụng các phương tiện kĩ thuật, thiết bị quân sự hiện đại phục vụ các nội dung học tập; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu môn học.

3.2 Tổ chức thực hiện.

Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học GDQP - AN được quy định trong Quyết định số 69/2007/QĐ - BGDĐT ngày 14 tháng 11 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hình thức tổ chức dạy học tập trung chủ yếu thực hiện ở các Trung tâm Giáo dục quốc phòng sinh viên; ở các trường có thể đan xen nhiều hình thức khác theo quy định của hiệu trưởng. Khi học GDQP - AN sinh viên phải mang mặc gọn gàng, thống nhất theo hướng dẫn của giảng viên. Tuyệt đối chấp hành các quy định, quy tắc đảm bảo an toàn về người, vũ khí, trang thiết bị. Sinh viên có đủ số lần kiểm tra cho mỗi học phần; mỗi lần kiểm tra đạt từ 5 điểm trở lên

và có đủ 80% thời gian có mặt trên lớp sẽ được dự thi kết thúc học phần lần thứ nhất. Mỗi sinh viên phải dự thi đủ các học phần quy định trong chương trình.

Học phần có từ 2 đến 3 đơn vị học trình kiểm tra ít nhất một lần; học phần có từ 4 đơn vị học trình trở lên kiểm tra ít nhất hai lần. Số lần cụ thể do hiệu trưởng các trường quy định. Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh cấp cho sinh viên để xác nhận kết quả học tập môn học GDQP - AN. Sinh viên đạt điểm trung bình môn học từ 5 điểm và không bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên được cấp Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và được ghi kết quả xếp loại trong Chứng chỉ. Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh là một trong những điều kiện để xét tốt nghiệp cao đẳng, đại học.

Tailieu.vn

Bài 2: QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

Mục đích yêu cầu:

Mục đích:

Yêu cầu người học hiểu được quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nguồn gốc, bản chất chiến tranh. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội.

Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm chỉ đạo và một số giải pháp cơ bản của Đảng ta về bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới.

Yêu cầu:

Vận dụng kiến thức của bài trong nhận thức và hoạt động thực tiễn xây dựng bảo vệ tổ quốc Việt Nam.

1. Quan điểm của Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh

1.1. Quan điểm của Mác - Lênin về chiến tranh

Chiến tranh là một hiện tượng chính trị - xã hội

Chiến tranh là một trong những vấn đề phức tạp, trước Mác đã có nhiều nhà tư tưởng đề cập đến vấn đề này, song đáng chú ý nhất là tư tưởng của C.Ph.Claudovít (1780 - 1831), Ông quan niệm : Chiến tranh là một hành vi bạo lực dùng để buộc đối phương phục tùng ý chí của mình. Chiến tranh là sự huy động sức mạnh không hạn độ, sức mạnh đến tột cùng của các bên tham chiến. Ở đây, C.Ph.Claudovít đã chỉ ra được đặc trưng cơ bản của chiến tranh đó là sử dụng bạo lực. Tuy nhiên, C.Ph.Claudovít chưa luận giải được bản chất của hành vi bạo lực ấy. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã kế thừa tư tưởng đó và đi đến khẳng định: Chiến tranh là hiện tượng chính trị xã hội có tính lịch sử, đó là cuộc đấu tranh vũ trang có tổ chức giữa các giai cấp, nhà nước (hoặc liên minh giữa các nước) nhằm đạt mục đích chính trị nhất định. Như vậy, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, chiến tranh là kết quả của những quan hệ giữa người với người trong xã hội. Nhưng nó không phải là những mối quan hệ giữa người với người nói chung, mà là mối quan hệ giữa những tập đoàn người có lợi ích cơ bản đối lập nhau. Khác với các hiện tượng chính trị - xã hội khác, chiến tranh được thể hiện dưới một hình thức đặc biệt, sử dụng một công cụ đặc biệt đó là bạo lực vũ trang.

Nguồn gốc nảy sinh chiến tranh

Với thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng, cùng với sự kết hợp sáng tạo phương pháp logic và lịch sử, C.Mác và Ph.Ăngghen lần đầu tiên trong lịch sử đã luận giải một cách đúng đắn về nguồn gốc nảy sinh chiến tranh. Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định: sự xuất hiện và tồn tại của chế độ chiếm hữu tư

nhân về tư liệu sản xuất là nguồn gốc sâu xa (Nguồn gốc kinh tế), suy đến cùng đã dẫn đến sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh. Đồng thời, sự xuất hiện và tồn tại của giai cấp và đối kháng giai cấp là nguồn gốc trực tiếp (Nguồn gốc xã hội) trực tiếp dẫn đến sự xuất hiện, tồn tại của chiến tranh. Thực tiễn hình thành và phát triển xã hội loài người đã chứng minh cho nhận định trên. Trong tác phẩm: "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước", Ph.Ăngghen chỉ rõ: Trải qua hàng vạn năm trong chế độ cộng sản nguyên thủy, khi chưa có chế độ tư hữu, chưa có giai cấp đối kháng thì chiến tranh với tính cách là một hiện tượng chính trị xã hội cũng chưa xuất hiện.. Mặc dù ở thời kì này đã xuất hiện những cuộc xung đột vũ trang. Nhưng đó không phải là một cuộc chiến tranh mà chỉ là một dạng "Lao động thời cổ". Bởi vì, xét về mặt xã hội, xã hội cộng sản nguyên thủy là một xã hội không có giai cấp, bình đẳng, không có tình trạng phân chia thành kẻ giàu, người nghèo, kẻ đi áp bức bóc lột và người bị áp bức bóc lột. Về kinh tế, không có của "dư thừa tương đối" để người này có thể chiếm đoạt lao động của người khác, mục tiêu các cuộc xung đột đó chỉ để tranh giành các điều kiện tự nhiên thuận lợi để tồn tại như : nguồn nước, bãi cỏ, vùng săn bắn hay hang động,... Về mặt kĩ thuật quân sự, trong các cuộc xung đột này, tất cả các bên tham gia đều không có lực lượng vũ trang chuyên nghiệp, cũng như vũ khí chuyên dùng. Tất cả các thành viên của bộ lạc với mọi công cụ lao động thường ngày đều tham gia vào cuộc xung đột đó. Do đó, các cuộc xung đột vũ trang này hoàn toàn mang tính ngẫu nhiên tự phát. Theo đó, Ph.Ăngghen chỉ rõ, khi chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất xuất hiện và cùng với nó là sự ra đời của giai cấp, tầng lớp áp bức bóc lột thì chiến tranh ra đời và tồn tại như một tất yếu khách quan. Chế độ áp bức bóc lột càng hoàn thiện thì chiến tranh càng phát triển. Chiến tranh trở thành "Bạn đường" của mọi chế độ tư hữu.

Phát triển những luận điểm của C.Mác, Ph.Ăngghen về chiến tranh trong điều kiện lịch sử mới, V.I. Lênin chỉ rõ trong thời đại ngày nay còn chủ nghĩa đế quốc còn nguy cơ xảy ra chiến tranh, chiến tranh là bạn đường của chủ nghĩa đế quốc. Như vậy, chiến tranh có nguồn gốc từ chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, có đối kháng giai cấp và áp bức bóc lột, chiến tranh không phải là một định mệnh gắn liền với con người và xã hội loài người. Muốn xoá bỏ chiến tranh phải xoá bỏ nguồn gốc sinh ra nó.

Bản chất chiến tranh

Bản chất chiến tranh là một trong những nội dung cơ bản, quan trọng nhất của học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội. Theo V.I. Lênin: "Chiến tranh là sự tiếp tục của chính trị bằng những biện pháp khác" (cụ thể là bằng bạo lực)[1]. Theo V.I. Lênin, khi phân tích bản chất chiến tranh, nhất thiết phải có quan điểm chính trị - giai cấp, xem chiến tranh chỉ là một hiện tượng lịch sử cụ thể. Theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin: "Chính trị là sự phản ánh tập trung của kinh tế"[2], "Chính trị là mối quan hệ giữa các giai cấp, các dân tộc"[3], chính trị là sự

thống nhất giữa đường lối đối nội và đường lối đối ngoại, trong đó đường lối đối ngoại phụ thuộc vào đường lối đối nội. Như vậy, chiến tranh chỉ là một thời đoạn, một bộ phận của chính trị, nó không làm gián đoạn chính trị. Ngược lại, mọi chức năng, nhiệm vụ của chính trị đều được tiếp tục thực hiện trong chiến tranh. Giữa chiến tranh và chính trị có quan hệ chặt chẽ với nhau trong đó chính trị chỉ phối và quyết định toàn bộ tiến trình và kết cục chiến quá trình tác chiến, mà còn sử dụng kết quả sau chiến tranh để đề ra những nhiệm vụ, những mục tiêu mới cho giai cấp, xã hội trên cơ sở thắng lợi hay thất bại của chiến tranh. Ngược lại, chiến tranh là một bộ phận, một phương tiện của chính trị, là kết quả phản ánh những cố gắng cao nhất của chính trị. Chiến tranh tác động trở lại chính trị theo hai hướng tích cực hoặc tiêu cực; hoặc tích cực ở khâu này nhưng lại tiêu cực ở khâu khác. Chiến tranh có thể làm thay đổi đường lối, chính sách, nhiệm vụ cụ thể, thậm chí có thể còn thay đổi cả thành phần của lực lượng lãnh đạo chính trị trong các bên tham chiến. Chiến tranh tác động lên chính trị thông qua việc làm thay đổi về chất tình hình xã hội, nó làm phức tạp hoá các mối quan hệ và làm tăng thêm những mâu thuẫn vốn có trong xã hội có đối kháng giai cấp. Chiến tranh có thể đẩy nhanh sự chín muồi của cách mạng hoặc làm mất đi tình thế cách mạng. Chiến tranh kiểm tra sức sống của toàn bộ chế độ chính trị xã hội. Trong thời đại ngày nay mặc dù chiến tranh có những thay đổi về phương thức tác chiến, vũ khí trang bị "song bản chất chiến tranh vẫn không có gì thay đổi, chiến tranh vẫn là sự tiếp tục chính trị của các nhà nước và giai cấp nhất định. Đường lối chính trị của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch vẫn luôn chứa đựng nguy cơ chiến tranh, đường lối đó đã quyết định đến mục tiêu chiến tranh, tổ chức biên chế, phương thức tác chiến, vũ khí trang bị" của quân đội do chúng tổ chức ra và nuôi dưỡng.

1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh

Trên cơ sở lập trường duy vật biện chứng, Hồ Chí Minh đã sớm đánh giá đúng đắn bản chất, quy luật của chiến tranh, tác động của chiến tranh đến đời sống xã hội

Khi nói về bản chất của chủ nghĩa đế quốc, Hồ Chí Minh đã khái quát bằng hình ảnh "con đĩa hai vôi", một vôi hút máu nhân dân lao động chính quốc, một vôi hút máu nhân dân lao động thuộc địa. Trong hội nghị Véc – Xây, Hồ Chí Minh đã vạch trần bản chất, bộ mặt thật của sự xâm lược thuộc địa và chiến tranh cướp bóc của chủ nghĩa thực dân Pháp. "Người Pháp khai hoá văn minh bằng rượu lậu, thuốc phiện". Nói về mục đích cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Người khẳng định: "Ta chỉ giữ gìn non sông, đất nước của ta. Chỉ chiến đấu cho quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Còn thực dân phản động Pháp thì mong ăn cướp nước ta, mong bắt dân ta làm nô lệ"[4]

Như vậy, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, cuộc chiến tranh do thực dân Pháp tiến hành ở nước ta là cuộc chiến tranh xâm lược. Ngược lại cuộc chiến tranh của nhân

ta chống thực dân Pháp xâm lược là cuộc chiến tranh nhằm bảo vệ độc lập chủ quyền và thống nhất đất nước.

Xác định tính chất xã hội của chiến tranh, phân tích tính chất chính trị - xã hội của chiến tranh xâm lược thuộc địa, chiến tranh ăn cướp của chủ nghĩa đế quốc, chỉ ra tính chất chính nghĩa của chiến tranh giải phóng dân tộc.

Trên cơ sở mục đích chính trị của chiến tranh, Hồ Chí Minh đã xác định tính chất xã hội của chiến tranh, chiến tranh xâm lược là phi nghĩa, chiến tranh chống xâm lược là chính nghĩa, từ đó xác định thái độ của chúng ta là ủng hộ chiến tranh chính nghĩa, phản đối chiến tranh phi nghĩa.

Kế thừa và phát triển tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin về bạo lực cách mạng, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo vào thực tiễn chiến tranh cách mạng Việt Nam. Người khẳng định: "Chế độ thực dân, tự bản thân nó đã là một hành động bạo lực, độc lập tự do không thể cầu xin mà có được, phải dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền"[5].

Bạo lực cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh được tạo bởi sức mạnh của toàn dân, bằng cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

Hồ Chí Minh Khẳng định: Ngày nay chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta là chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Hồ Chí Minh luôn coi con người là nhân tố quyết định thắng lợi trong chiến tranh. Người chủ trương phải dựa vào dân, coi dân là gốc, là cội nguồn của sức mạnh để "xây dựng lâu thắng lợi". Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh nhân dân là một trong những di sản quý báu của Người. Tư tưởng này được Hồ Chí Minh trình bày một cách giản dị, dễ hiểu nhưng sinh động và rất sâu sắc. Chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng là cuộc chiến tranh toàn dân, phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Tư tưởng của Người được thể hiện rõ nét trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp ngày 19 - 12 - 1946: "Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc... hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước"[6].

Đề đánh thắng giặc Mĩ xâm lược, Người tiếp tục khẳng định: "Ba mươi một triệu đồng bào ta ở cả hai miền, bất kì già trẻ, gái trai, phải là ba mươi một triệu chiến sĩ anh dũng diệt Mĩ cứu nước, quyết giành thắng lợi cuối cùng"[7].

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đánh giặc phải bằng sức mạnh của toàn dân, trong đó phải có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kháng chiến toàn dân phải đi đôi với kháng chiến toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, đánh địch trên tất cả các mặt trận : quân sự ; chính trị ; kinh tế ; văn hoá...

Sự khái quát trên đã phản ánh nét đặc sắc của chiến tranh nhân dân Việt Nam trong thời đại mới và là một sự phát triển đến đỉnh cao tư tưởng vũ trang toàn dân của chủ nghĩa Mác - Lênin. Sự phát triển sâu sắc làm phong phú thêm lí luận mác xít về chiến tranh nhân dân trong điều kiện cụ thể ở Việt Nam.

2. Quan điểm của Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội

2.1 Quan điểm Mác - Lênin về quân đội

Theo Ph.Ăngghen: "Quân đội là một tập đoàn người vũ trang, có tổ chức do nhà nước xây dựng để dùng vào cuộc chiến tranh tiến công hoặc chiến tranh phòng ngự"[8].

Như vậy theo Ph.Ăngghen, quân đội là một tổ chức của một giai cấp và nhà nước nhất định, là công cụ bạo lực vũ trang chủ yếu nhất, là lực lượng nòng cốt để nhà nước, giai cấp tiến hành chiến tranh và đấu tranh vũ trang.

Trong điều kiện chủ nghĩa tư bản phát triển từ tự do cạnh tranh sang độc quyền (Chủ nghĩa đế quốc), V.I. Lênin nhấn mạnh: chức năng cơ bản của quân đội đế quốc là phương tiện quân sự chủ yếu để đạt mục đích chính trị đối ngoại là tiến hành chiến tranh xâm lược và duy trì quyền thống trị của bọn bóc lột đối với nhân dân lao động trong nước.

Nguồn gốc ra đời của quân đội

Từ khi quân đội xuất hiện đến nay, đã có không ít nhà lí luận đề cập đến nguồn gốc, bản chất của quân đội trên các khía cạnh khác nhau. Nhưng chỉ có chủ nghĩa Mác - Lênin mới lí giải đúng đắn và khoa học về hiện tượng chính trị xã hội đặc thù này.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã chứng minh một cách khoa học về nguồn gốc ra đời của quân đội từ sự phân tích cơ sở kinh tế - xã hội và khẳng định: quân đội là một hiện tượng lịch sử, ra đời trong giai đoạn phát triển nhất định của xã hội loài người, khi xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự đối kháng giai cấp trong xã hội. Chính chế độ tư hữu và đối kháng giai cấp đã làm nảy sinh nhà nước thống trị bóc lột. Để bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị và đàn áp quần chúng nhân dân lao động giai cấp thống trị đã tổ chức ra lực lượng vũ trang thường trực làm công cụ bạo lực của nhà nước.

Như vậy, chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự phân chia xã hội thành giai cấp đối kháng là nguồn gốc ra đời của quân đội. Chừng nào còn chế độ tư hữu, còn chế độ áp bức bóc lột thì quân đội vẫn còn tồn tại. Quân đội chỉ mất đi khi giai cấp, nhà nước và những điều kiện sinh ra nó tiêu vong.

Bản chất giai cấp của quân đội

Khi bàn về bản chất của quân đội, chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định bản chất quân đội là công cụ bạo lực vũ trang của một giai cấp, nhà nước nhất định nhằm mục đích bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị và nhà nước tổ chức, nuôi

dưỡng, sử dụng nó. Bản chất giai cấp của quân đội phụ thuộc vào bản chất giai cấp của nhà nước đã tổ chức ra quân đội đó.

Quân đội do giai cấp, nhà nước tổ chức, nuôi dưỡng và xây dựng theo đường lối, quan điểm chính trị, quân sự của giai cấp mình. Đó là cơ sở để quân đội trung thành với nhà nước, giai cấp đã tổ chức ra nó.

Bản chất giai cấp của quân đội không phải tự phát hình thành mà phải trải qua quá trình xây dựng lâu dài và được củng cố liên tục. Bản chất giai cấp quân đội là tương đối ổn định, nhưng không phải là bất biến. Sự vận động phát triển bản chất giai cấp của quân đội bị chi phối bởi nhiều yếu tố như: giai cấp, nhà nước, các lực lượng, tổ chức chính trị xã hội và việc giải quyết các mối quan hệ trong nội bộ trong quân đội. Do sự tác động của các yếu tố trên mà bản chất giai cấp của quân đội có thể được tăng cường hoặc bị phai nhạt, thậm chí bị biến chất và tuột khỏi tay nhà nước, giai cấp đã tổ chức ra, nuôi dưỡng quân đội đó.

Sự thay đổi bản chất giai cấp quân đội diễn ra dần dần thông qua việc tăng cường hoặc suy yếu dần các mối quan hệ trên.

Trong tình hình hiện nay, các học giả tư sản thường rêu rao luận điểm "phi chính trị hoá quân đội", cho quân đội phải đứng ngoài chính trị, quân đội là công cụ bạo lực của toàn xã hội, không mang bản chất giai cấp. Thực chất quan điểm "phi chính trị lãnh đạo của Đảng Cộng sản, làm giảm sức mạnh chiến đấu, từng bước làm thoái hoá về chính trị tư tưởng, phai nhạt bản chất cách mạng của quân đội. Đó là một mục tiêu quan trọng trong chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc. Mặt khác, mặt trái của nền kinh tế thị trường tác động không nhỏ tới tăng cường bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng của quân đội. Những biểu hiện cường điệu lợi ích vật chất, lệ thói thực dụng, cơ hội về chính trị, sự suy giảm về đạo đức cách mạng là những cản trở trong xây dựng quân đội cách mạng hiện nay.

Sức mạnh chiến đấu của quân đội

Theo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: con người, điều kiện kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, vũ khí trang bị, khoa học quân sự, trong xây dựng sức mạnh chiến đấu quân đội, các ông rất chú trọng đến khâu đào tạo đội ngũ cán bộ, đánh giá và nhận xét về tài năng của các tướng lĩnh quân sự, đồng thời phê phán sự yếu kém của đội ngũ này.

Bảo vệ và phát triển tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I. Lênin đã chỉ rõ sức mạnh chiến đấu của quân đội phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: yếu tố quân số, tổ chức, cơ cấu biên chế; yếu tố chính trị - tinh thần và kỉ luật; số lượng, chất lượng vũ khí trang bị kĩ thuật; trình độ huấn luyện và thể lực; trình độ khoa học và nghệ thuật quân sự; bản lĩnh lãnh đạo, trình độ tổ chức chỉ huy của cán bộ các cấp. Giữa các yếu tố trên có mối quan hệ biện chứng với nhau. Tuy nhiên, vị trí, vai trò của từng yếu tố là không ngang bằng nhau, trong những điều kiện xác định, yếu tố

chính trị tinh thần giữ vai trò quyết định đến sức mạnh chiến đấu của quân đội. V.I. Lênin khẳng định: "Trong mọi cuộc chiến tranh rồi cuộc thắng lợi đều tùy thuộc vào tinh thần của quần chúng đang đổ máu trên chiến trường"[9],

Nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới của V.I. Lênin

V.I. Lênin kế thừa, bảo vệ và phát triển lí luận của C.Mác, Ph.Ăngghen về quân đội và vận dụng thành công trong xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp vô sản.

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, các thế lực thù địch điên cuồng chống phá nước Nga Xô viết. Để bảo vệ thành quả cách mạng, V.I. Lênin yêu cầu phải giải tán quân đội cũ và thành lập quân đội kiểu mới (Hong quân) của giai cấp vô sản. V.I. Lênin đã chỉ ra những nguyên tắc cơ bản trong xây dựng quân đội kiểu mới: Đảng Cộng sản lãnh đạo Hong quân tăng cường bản chất giai cấp công nhân; đoàn kết thống nhất quân đội với nhân dân; trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản; xây dựng chính quy; không ngừng hoàn thiện cơ cấu tổ chức; phát triển hài hoà các quân chủng, binh chủng; sẵn sàng chiến đấu. Trong đó sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nguyên tắc quan trọng nhất, quyết định đến sức mạnh, sự tồn tại, phát triển, chiến đấu, chiến thắng của Hong quân.

Ngày nay, những nguyên tắc cơ bản về xây dựng quân đội kiểu mới của V.I. Lênin vẫn giữ nguyên giá trị. Là cơ sở lí luận khoa học cho các Đảng Cộng sản xác định phương hướng tổ chức xây dựng quân đội của mình.

2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội

Khẳng định sự ra đời của quân đội là một tất yếu, là vấn đề có tính quy luật trong đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc ở Việt Nam.

Hồ Chí Minh chỉ rõ mối quan hệ biện chứng giữa sự ra đời của quân đội với sự nghiệp giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc. Người viết: "Dân tộc Việt Nam nhất định phải được giải phóng. Muốn đánh chúng phải có lực lượng quân sự, phải có tổ chức"[10].

Ngày 22 - 12 - 1944, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân - tiền thân của quân đội ta hiện nay được thành lập. Sự ra đời của quân đội xuất phát từ chính yêu cầu của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp ở nước ta. Thực tiễn lịch sử cho thấy, kẻ thù sử dụng bạo lực phản cách mạng để áp bức nô dịch dân tộc ta. Do vậy, muốn giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp chúng ta phải tổ chức ra bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng.

Để thực hiện được mục tiêu cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổ chức ra lực lượng vũ trang cách mạng làm nòng cốt cho cuộc đấu tranh giai cấp, dân tộc mà tiền thân của nó là những đội xích vệ đỏ, du kích vũ trang, sau đó phát triển thành quân đội nhân dân.

Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng vũ trang cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng lao động, đấu tranh với kẻ thù giai cấp và kẻ thù dân tộc.

Quá trình xây dựng chiến đấu và trưởng thành của quân đội ta luôn luôn gắn liền với phong trào cách mạng của quần chúng, với các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Chính từ thực tiễn phong trào cách mạng của quần chúng, những thăng trầm của chiến tranh, những thử thách ác liệt cùng với những hi sinh to lớn mà phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ" được rèn luyện, kiểm nghiệm nghiêm ngặt nhất và được phát triển lên những đỉnh cao.

Ngay từ khi mới thành lập mặc dù đại bộ phận cán bộ chiến sĩ xuất thân từ nông dân nhưng tất cả họ đều là những người có lòng yêu nước mãnh liệt, trí căm thù giặc sâu sắc. Trải qua những năm tháng phục vụ trong quân đội họ không ngừng được nâng cao giác ngộ cách mạng, chuyển từ giác ngộ dân tộc lên giác ngộ giai cấp, từ tinh thần độc lập dân tộc lên ý thức xã hội chủ nghĩa, chuyển lập trường của giai cấp xuất thân sang lập trường giai cấp công nhân để xem xét giải quyết đánh giá công việc. Sự thống nhất hữu cơ trên, từ nét đặc thù về chế độ chính trị, bản chất Nhà nước, giai cấp tổ chức, nuôi dưỡng và sử dụng quân đội.

Quân đội nhân dân Việt Nam sinh ra từ các phong trào cách mạng của quần chúng, được nhân dân nuôi dưỡng, đùm bọc, che chở và tiếp sức, lại được tổ chức giáo dục rèn luyện bởi Đảng Cộng sản Việt Nam - Người đại biểu trung thành cho lợi ích giai cấp, dân tộc và nhân dân, vì vậy quân đội luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

Quân đội nhân dân Việt Nam mang bản chất của giai cấp công nhân

Với cương vị là người tổ chức, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện quân đội ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên coi trọng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội. Bản chất giai cấp công nhân liên hệ mật thiết với tính nhân dân trong tiến hành chiến tranh nhân dân chống thực dân, đế quốc xâm lược. Trong xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội, Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến giáo dục, nuôi dưỡng các phẩm chất cách mạng, bản lĩnh chính trị và coi đó là cơ sở, nền tảng để xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện. Trong buổi lễ phong quân hàm cho các cán bộ cao cấp Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 22 - 12 - 1958, Người vừa biểu dương, vừa căn dặn: "Quân đội đã hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ giao cho, đã có truyền thống vẻ vang là tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, chiến đấu anh dũng, công tác và lao động tích cực, tiết kiệm, cần cù, khiêm tốn, giản dị, đoàn kết nội bộ, đồng cam cộng khổ với nhân dân, sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ"[11].

Lời căn dặn của Người là sự khái quát các phẩm chất, tiêu chí của bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta. Trong bài nói chuyện tại buổi chiêu đãi mừng quân đội ta tròn hai mươi tuổi ngày 22 - 12 - 1964, một lần nữa Hồ Chí Minh lại khẳng định, bản chất giai cấp của quân đội là công cụ bạo lực vũ trang của giai cấp, nhà nước. "Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì

độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng"[12].

Quân đội nhân dân Việt Nam được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp tổ chức lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện, được nhân dân hết lòng yêu thương, đùm bọc, đồng thời được kế thừa những truyền thống tốt đẹp của một dân tộc có hàng ngàn năm văn hiến và lịch sử đấu tranh dựng nước gắn liền với giữ nước oanh liệt. Do đó, ngay từ khi ra đời và trong suốt quá trình phát triển, quân đội ta luôn thực sự là một quân đội kiểu mới mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, đồng thời có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc.

Khẳng định, quân đội ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu.

Đây là một trong những công hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phát triển lí luận về quân đội. Người lập luận, bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân của quân đội ta là một thể thống nhất, xem đó như là biểu hiện tính quy luật của quá trình hình thành, phát triển quân đội kiểu mới, quân đội của giai cấp vô sản. Trong bài Tình đoàn kết quân dân ngày càng thêm bền chặt 3 - 3 - 1952, Người viết: "Quân đội ta là quân đội nhân dân. Nghĩa là con em ruột thịt của nhân dân. Đánh giặc để tranh lại độc lập thống nhất cho Tổ quốc, để bảo vệ tự do, hạnh phúc của nhân dân. Ngoài lợi ích của nhân dân, quân đội ta không có lợi ích nào khác"[13]

Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với quân đội là một nguyên tắc xây dựng quân đội kiểu mới, quân đội của giai cấp vô sản.

Bắt nguồn từ nguyên lí chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng quân đội kiểu mới của giai cấp vô sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt quan tâm đến công cụ đặc biệt này để nó thực sự trở thành lực lượng nòng cốt trong đấu tranh giai cấp, kể cả tiến hành chiến tranh.

Đảng Cộng sản Việt Nam - Người tổ chức lãnh đạo giáo dục và rèn luyện quân đội - là nhân tố quyết định sự hình thành và phát triển bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta. Trong suốt quá trình xây dựng chiến đấu và trưởng thành của quân đội, Đảng cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự chăm lo đặc biệt đối với quân đội. Điều này được thể hiện rõ nét trong cơ chế lãnh đạo : tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với quân đội trong thực hiện chế độ công tác đảng, công tác chính trị.

Nhờ đó, Quân đội nhân dân Việt Nam trở thành một quân đội kiểu mới mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân. Thành tựu to lớn trong tăng cường bản chất giai cấp công nhân cho quân đội ta là, Đảng đã đào tạo nên những thế hệ "Bộ đội cụ Hồ", một mẫu hình mới của con người xã hội chủ nghĩa trong quân đội kiểu mới. Như vậy, không có một Đảng Cộng sản chân chính, không có một giai cấp công nhân Việt Nam cách mạng, kiên định lập trường xã hội chủ nghĩa, thì quân đội nhân dân Việt Nam không thể giữ vững được bản chất giai cấp công nhân, mục tiêu lí tưởng chiến đấu của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ : Quân đội ta có

sức mạnh vô địch vì nó là một Quân đội nhân dân do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh đạo và giáo dục.

Nhiệm vụ và chức năng cơ bản của quân đội

Mục tiêu lí tưởng chiến đấu của quân đội ta là thực hiện mục tiêu lí tưởng các mạng của Đảng, của giai cấp công nhân và của toàn dân tộc: Gắn giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Hiện nay quân đội ta có hai nhiệm vụ chính. Một là, xây dựng một đội quân ngày càng hùng mạnh và sẵn sàng chiến đấu. Hai là, thiết thực tham gia lao động sản xuất góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội"[14].

Nhiệm vụ của quân đội ta hiện nay là phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trước tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng và của quân đội, ngoài nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, quân đội phải tham gia vào nhiệm vụ xây dựng đất nước, sản xuất ra của cải vật chất và tiến hành công tác huấn luyện. Đây là vấn đề khác về chất so với quân đội của giai cấp bóc lột. Quân đội ta có ba chức năng: Là đội quân chiến đấu, là đội quân công tác, là đội quân sản xuất. Ba chức năng đó phản ánh cả mặt đối nội, đối ngoại của quân đội. Với tư cách là đội quân chiến đấu, quân đội luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần bảo vệ trật tự an toàn xã hội, tham gia vào cuộc tiến công địch trên mặt trận lí luận, chính trị - tư tưởng, văn hoá; là đội quân sản xuất, quân đội tăng gia sản xuất cải thiện đời sống cho bộ đội, xây dựng kinh tế, góp phần xây dựng, phát triển đất nước, trong điều kiện hiện nay, quân đội còn là lực lượng nòng cốt và xung kích trong xây dựng kinh tế - quốc phòng ở các địa bàn chiến lược, nhất là ở biên giới, biển đảo, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn gian khổ và ở những địa bàn có những tình huống phức tạp nảy sinh; là đội quân công tác, quân đội tham gia vận động quần chúng nhân dân xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh, góp phần tăng cường sự đoàn kết giữa Đảng với nhân dân, quân đội với nhân dân; giúp dân chống thiên tai, giải quyết khó khăn trong sản xuất và đời sống, tuyên truyền vận động nhân dân hiểu rõ và chấp hành đúng đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Thực tiễn hơn 60 năm xây dựng, chiến đấu, trưởng thành của quân đội ta đã chứng minh: quân đội đã thực hiện đầy đủ và thực hiện xuất sắc ba chức năng trên cùng toàn Đảng, toàn dân lập nên những chiến công hiển hách trong chiến tranh giải phóng. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay, quân đội có vai trò hết sức nặng nề. Quân đội luôn phải là đội quân cách mạng, lực lượng chính trị, công cụ vũ trang sắc bén của Đảng, có sức chiến đấu cao, sẵn sàng đánh bại mọi kẻ thù, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ...Để thực hiện vai trò đó, cần đổi mới nhận thức về các chức năng của quân đội cho phù hợp với tình hình mới.

3. Quan điểm của Mác - Lênin về bảo vệ Tổ quốc

Tổ quốc bao giờ cũng gắn với nhà nước và giai cấp thống trị xã hội. Vấn đề Tổ quốc của giai cấp nào và giai cấp nào không có tổ quốc. Theo nghĩa đó mà C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định : "Dưới chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân không có Tổ quốc"[15].

Trong điều kiện lịch sử cụ thể, thời C.Mác, Ph.Ăngghen sống, vấn đề bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa chưa được đặt ra một cách trực tiếp.

Bài học kinh nghiệm của Công xã Pari có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc bảo vệ thành quả cách mạng, sau khi giai cấp vô sản giành chính quyền, nhưng mới chỉ là ý kiến ban đầu về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Học thuyết bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một cống hiến mới của V.I. Lênin vào kho tàng lí luận chủ nghĩa Mác, đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đang đặt ra trực tiếp ở nước Nga Xô viết.

3.1. Bảo vệ Tổ quốc là một tất yếu

Xuất phát từ yêu cầu bảo vệ thành quả cách mạng của giai cấp công nhân.

Trong điều kiện giai cấp tư sản nắm chính quyền, C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ ra rằng, giai cấp công nhân phải đấu tranh trở thành giai cấp dân tộc, khi ấy chính giai cấp công nhân là người đại diện cho Tổ quốc, họ có nhiệm vụ phải đẩy lùi sự tấn công của bọn phản cách mạng.

Xuất phát từ quy luật xây dựng chủ nghĩa xã hội phải đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

V.I. Lênin là người có công đóng góp to lớn trong việc bảo vệ và phát triển học thuyết về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, Người khẳng định: "Kể từ ngày 25 tháng Mười 1917, chúng ta là những người chủ trương bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta tán thành "bảo vệ Tổ quốc", nhưng cuộc chiến tranh giữ nước mà chúng ta đang đi tới là một cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chủ nghĩa xã hội với tư cách là Tổ quốc"[16].

Ngay sau khi cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi, nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động được thiết lập thì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cũng bắt đầu hình thành. Giai cấp công nhân bắt tay vào công cuộc cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới - xã hội, xã hội chủ nghĩa. Cùng với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cũng được đặt ra một cách trực tiếp, nó trở thành nhiệm vụ chiến lược của các nước xã hội chủ nghĩa hai nhiệm vụ chiến lược này gắn bó hữu cơ với nhau trong suốt quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa đế quốc.

Ngay từ những năm cuối thế kỉ XIX, V.I. Lênin đã chỉ ra, do quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa đế quốc mà chủ nghĩa xã hội có thể giành thắng lợi không đồng thời ở các nước. Do đó, trong xuất thời kì quá độ từ chủ nghĩa tư bản